

**ĐIỂM BÀI THU HOẠCH**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 04 (huyện Hạ Lang)  
Môn: Phần E.I - Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương  
Ngày thi: 26/8/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Thắm Thị Bạch	7,75	Bảy phẩy bảy năm	41	Triệu Thúy Mơ	7,75	Bảy phẩy bảy năm
2	Triệu Thị Chiêm	7,50	Bảy phẩy năm	42	Hoàng Thị My	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Nông Thị Chinh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	43	Nông Văn Nam	6,00	Sáu
4	Triệu Thị Chủ	7,00	Bảy	44	Nông Thị Hoàng Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
5	Nông Thị Chuyên		<b>Chuyển lớp</b>	45	Lã Thị Nga	8,00	Tám
6	Đàm Bích Diệp	7,00	Bảy	46	Đường Văn Ngọc	7,00	Bảy
7	Phạm Thị Dịu	8,00	Tám	47	Phùng Ánh Nguyệt	5,00	Năm
8	Thắm Thị Duyên	8,00	Tám	48	Mã Lý Nhung	7,50	Bảy phẩy năm
9	Hoàng Thị Định	7,50	Bảy phẩy năm	49	Trần Thị Phương	7,00	Bảy
10	Bé Thị Đoan	7,50	Bảy phẩy năm	50	Phạm Thị Phụng	7,00	Bảy
11	Nông Thị Hồng Gấm	7,50	Bảy phẩy năm	51	Nông Thị Quy	8,00	Tám
12	Phùng Thị Thu Hằng	7,00	Bảy	52	Nông Thị Riên	7,50	Bảy phẩy năm
13	Hoàng Văn Hành	8,00	Tám	53	Nông Văn Siên	7,00	Bảy
14	Hoàng Minh Hậu	7,00	Bảy	54	Hoàng Thị Tâm	5,00	Năm
15	Nông Thị Hiền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Nông Thị Thạch	8,00	Tám
16	Đàm Văn Hiệp	7,75	Bảy phẩy bảy năm	56	Đinh Việt Thiện	7,75	Bảy phẩy bảy năm
17	Hoàng Thị Hoa	7,50	Bảy phẩy năm	57	Mã Thị Thiệp	6,00	Sáu
18	Phan Triệu Học	8,00	Tám	58	Nông Thị Thoa	8,00	Tám
19	Nông Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	59	Bé Văn Thoại	7,75	Bảy phẩy bảy năm
20	Nông Thị Hợp	7,00	Bảy	60	Nông Thị Thu	6,25	Sáu phẩy hai năm
21	Nông Văn Huân	8,00	Tám	61	Nông Ngọc Thụ	7,50	Bảy phẩy năm
22	Triệu Bích Huệ	7,00	Bảy	62	Mã Thị Thương	7,25	Bảy phẩy hai năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Nông Thế Hùng	8,00	Tám	63	Hà Văn Thượng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
24	Nông Thanh Hùng	8,00	Tám	64	Mã Thị Thùy	8,00	Tám
25	Đàm Thị Hương	8,00	Tám	65	Nông Linh Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
26	Hoàng Thị Bích Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	66	Lương Thị Thủy	8,25	Tám phẩy hai năm
27	Hoàng Thị Thu Huyền	8,25	Tám phẩy hai năm	67	Hoàng Văn Tú	7,50	Bảy phẩy năm
28	Đường Thị Kết	7,50	Bảy phẩy năm	68	Hoàng Thị Bích Từ	7,50	Bảy phẩy năm
29	Lương Thị Vân Khánh	8,00	Tám	69	Bạch Văn Tùng	7,00	Bảy
30	Lương Thị Hồng Lê	7,75	Bảy phẩy bảy năm	70	Phạm Thị Tươi	7,00	Bảy
31	Lương Thị Liễu	7,50	Bảy phẩy năm	71	Triệu Thị Tuyên	8,00	Tám
32	Nông Thị Linh	7,00	Bảy	72	Trần Thị Tuyết	7,50	Bảy phẩy năm
33	Hoàng Thị Loan	8,00	Tám	73	Bé Thị Ánh Tuyết	8,00	Tám
34	La Thị Loan	7,50	Bảy phẩy năm	74	Lộc Thị Vân	7,50	Bảy phẩy năm
35	Nông Thị Thanh Loan	7,50	Bảy phẩy năm	75	Lý Thị Vân	7,50	Bảy phẩy năm
36	Phạm Minh Loan	8,00	Tám	76	Nông Thị Vân	7,00	Bảy
37	Hà Thị Luyện	8,00	Tám	77	Lộc Thị Viên	8,00	Tám
38	Nông Thị Luyện	8,00	Tám	78	Chu Văn Xuyên	7,50	Bảy phẩy năm
39	Đàm Thị Mến	7,75	Bảy phẩy bảy năm	79	Hứa Văn Du	5,00	Năm
40	Long Nông Nữ Minh	8,00	Tám				

Điểm 5,00: 03 điểm; Điểm 6,00: 02 điểm; Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 7,00: 14 điểm; Điểm 7,25: 01 điểm; Điểm 7,50: 20 điểm; Điểm 7,75: 13 điểm; Điểm 8,00: 22 điểm; Điểm 8,25: 02 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

*DHL*

*Vanh*



Đoàn Thị Kim Liên

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa